

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/DS – PT

Ngày: 15/09/2020

V/v “Tranh chấp tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải***

***Các Thẩm phán: Ông Thiềm Quốc Khanh.***

***Ông Nguyễn Văn Hải***

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang –***  
Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:***  
**Ông Lâm Thành Them** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 202/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2019/DSST ngày 30-31/7/2019 của Tòa án nhân dân quận N. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2020/QĐ - PT ngày 31 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B., sinh năm: 1935.***

Địa chỉ: 214/6 Khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc S., sinh năm 1956. (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019)

Địa chỉ: 214/6 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

***- Bị đơn:***

**1. Ông Trần Văn T..**

Địa chỉ: 211/6 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

2. Ông **Hứa Kỳ H.**

Địa chỉ: 201/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

3. Bà **Bùi Thanh X.**

4. Bà **Nguyễn Thị Kim H.**

Cùng địa chỉ: 209/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

5. Ông **Lê Văn Q.**

Địa chỉ: 208/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

6. Ông **Trần Q. B.**

Địa chỉ: 207/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

7. Ông **Lê C. B.**

8. Ông **Võ Thành P.**

Địa chỉ: 206/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

9. Bà **Lê Thị K. P.**

Địa chỉ: 205/3 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

10. Ông **Lê V. B.**

Địa chỉ: 205/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

11. Ông **Nguyễn Đ. S.**

12. Ông **Khru H. H.**

Địa chỉ: 204/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

Ông Sơn, ông Hiền ủy quyền cho ông Nguyễn Phú Hữu.

13. Bà **Võ Thị M.**

Địa chỉ: 203/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

14. Ông **Trịnh Thành N.**

Địa chỉ: 202/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

15. Ông **Nguyễn V. Q.**

Địa chỉ: 201/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ.

16. Ông **Huỳnh V. B.**

Địa chỉ: 201A/5 khu vực 3, phường A., quận N., TP. Cần Thơ

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân quận N.

Địa chỉ: 215 N. T., phường T., quận N., TP. Cần Thơ

2. **Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ.**

Địa chỉ: 48 N. A. N., phường T., quận N., TP. Cần Thơ

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Trần Thị B.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị B. trình bày:* Bà được thừa hưởng từ cha ruột là ông Trần Ngọc K. phần đất 3.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu bờ kè thuộc khu vực 3, phường A.. Năm 1999, bà B. có đến UBND xã A. (cũ) làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị trả hồ sơ với lý do đất có tranh chấp và vướng quy hoạch nên không giải quyết. Hiện phần đất của bà B. đã bị quy hoạch xây dựng bờ kè từ Sông Cần Thơ đến cầu C. S., diện tích 818.39, nhưng khi bồi hoàn thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ lại bồi hoàn cho các

hộ dân là bị đơn nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Nên bà B. khởi kiện yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất; yêu cầu kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn ông Lê C. B., bà Võ Thị M..

*Bị đơn Nguyễn V. Q. trình bày:*

Phần đất mà bà B. tranh chấp yêu cầu nhận tiền bồi hoàn là do ông mua của bà Mai Thị D.. Bà Mai Thị D. đã chết, thời gian thì ông không nhớ rõ. Phần đất mua của bà D. khoảng 2,4 lượng vàng và có nhà trên đất. Hiện trạng phần nhà vẫn ở như hiện nay, khi phần đất bị sụp lở thì đã thất lạc mất giấy tờ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Q. không đồng ý, ông yêu cầu được nhận 64.504.600 đồng tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

*Bị đơn Lê Văn Q. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi gia đình ông Q. đang quản lý do cha vợ ông tên Bùi Phát T. mua của bà Mười G. năm 1960. Sau đó ông Q. đóng thuế quyền sử dụng đất từ đó đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và yêu cầu nhận 39.673.000 đồng tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

*Bị đơn Bùi Thanh X. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi là cha bà Xuân là ông Bùi Phát T. mua của bà Mười G. năm 1960 cho các anh em ở sinh sống, giấy tờ gia đình mua bị thất lạc, gia đình bà Xuân đóng thuế quyền sử dụng đất từ đó đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Xuân không đồng ý và yêu cầu được nhận 42.131.300 đồng tiền bồi hoàn.

*Bị đơn Nguyễn Thị Kim H. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi do bà ngoại của bà K.H. là bà Nguyễn Thị Đ. mua của bà Bùi Thanh X. vào năm 1990 có giấy tờ mua bán. Gia đình bà H. ở ổn định từ đó cho đến nay và có đóng thuế quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H. không đồng ý và yêu cầu được nhận 64.974.600 đồng .

*Bị đơn Hứa Kỳ H. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi là do cha ông H. là ông Hứa D. mua của ông Trần Văn Bảy năm 1964 giấy tờ bị thất lạc. Đến năm 1967, mua thêm phần đất kế bên có giấy tờ mua bán được phường chứng nhận. Xây dựng nhà trên đất và sau đó sửa chữa xây dựng lại vào năm 1994 và ở từ đó cho đến nay. Gia đình ông H. đóng thuế quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và yêu cầu nhận 96.373.100 đồng tiền bồi hoàn.

*Bị đơn Lê Thị K. P. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi phát sinh tranh chấp là do cha mẹ của bà K.P. là ông Lê Văn P. và bà Nguyễn Thị M. mua của bà Phan Thị B. từ năm 1976 và có đóng thuế nhà đất. Đối với diện tích phần đất Trung tâm phát triển quỹ đất xác định để bồi hoàn và số tiền bồi hoàn thì thống nhất không khiếu nại gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và yêu cầu nhận 18.500.000 đồng tiền bồi hoàn.

*Bị đơn Lê V. B. trình bày:*

Ông Lê V. B. là em của bà Lê Thị K. P., ông Bình thống nhất với lời trình bày của bà Phượng về nguồn gốc đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và yêu cầu nhận 43.300.000 đồng tiền bồi hoàn.

*Bị đơn Trần Văn T. trình bày:*

Phần đất bị thu hồi là của cha mẹ ông T. tên Trần Văn B. và Đinh Thị X. có trước khi ông T. sinh ra và để lại cho gia đình ở đến nay. Gia đình ông T. đóng thuế quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và yêu cầu nhận 81.124.400 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 62/2019/DSST ngày 30-31/7/2019 của Tòa án nhân dân quận N. đã tuyên xử như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B. về việc yêu cầu nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các bị đơn.

Khi án có hiệu lực pháp luật các bị đơn ông Trần Văn T., ông Hứa Kỳ H., bà Bùi Thanh X., bà Nguyễn Thị Kim H., ông Lê Văn Q., ông Trần Q. B., ông Võ Thanh Phước, bà Lê Thị K. P., ông Lê V. B., ông Nguyễn Đ. S., ông Khuru H. H., đại diện ông Trịnh Thành N., ông Nguyễn V. Q., ông Huỳnh V. B. được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/8/2019, nguyên đơn bà Trần Thị B. có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do nguyên đơn có đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất ông Trần Ngọc K. mua trong bằng khoán điền thổ số 486, phần đất của ông Trần Ngọc K. lập di chúc cho các con được UBND phường A. mở thừa kế, xác nhận ranh đất theo bằng khoán điền thổ 486, đất của ông Khả được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời. Trong khi 14 hộ bị đơn không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất.

*Tại phiên tòa phúc thẩm;*

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Ngọc S. trình bày:* Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn ông Lê C. B., bà Võ Thị M.. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xem xét được nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất, nguyên đơn cho rằng chỉ tranh chấp quyền sở hữu tài sản không tranh chấp quyền sử dụng đất. Đối với phần đất 14 bị đơn đang ở trên vùng đất bị quy hoạch dự án Bò kè sông Cần Thơ, nguyên đơn xác định gia đình các bị đơn đã ở từ trước năm 1975 nhưng phía nguyên đơn không tranh chấp vì nếu tranh chấp thì phải bồi thường hỗ trợ di dời mà nguyên đơn thì không có khả năng. Nguyên đơn đề nghị được nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

*Các bị đơn thống nhất trình bày:* Gia đình các bị đơn đã ở trên đất từ trước giải phóng, từ thời ông bà truyền qua nhiều thế hệ, lúc cha của nguyên đơn ông Trần Ngọc K. còn sống cho đến nay nhưng không có ai ngăn cản hay tranh chấp. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Võ Thị M. thống nhất với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nhận thấy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới và do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C. B., bà Võ Thị M.; giữ nguyên phần còn lại của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị B. thực hiện trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

## **[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:**

Xét kháng cáo yêu cầu xem xét chấp nhận cho bà Trần Thị B. được nhận tiền bồi hoàn giá trị đất.

Nhận thấy, trên cơ sở lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm và chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 1961, ông Trần Ngọc K. mua đất của ông Lê Văn S. với diện tích 21.400.m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán điền thổ số 486, lô 119 và 120 tờ bản đồ thứ 7, tọa lạc tại xã T.A. (cũ) nay là khu vực 3, phường A., quận N., thành phố Cần Thơ. Đến năm 1991, ông Trần Ngọc K. tự đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận tạm thời số 03/GCN ngày 06/5/1991, đất của ông K. không có sơ đồ lược thửa kèm theo. Ngày 17/10/1996, ông Trần Ngọc K. lập di chúc để toàn bộ phần đất này cho 04 người con là Trần Ngọc S., Trần Thị B., Trần Văn Đ., Trần Văn Đ1. Vào ngày 16/8/1999, các con của ông Khả đã lập văn bản thỏa thuận phân chia đất thừa kế theo di chúc của ông Khả, vị trí thỏa thuận theo diện tích tại bằng khoán 486 và giấy chứng nhận tạm thời, không đến thực địa xác định hiện trạng đất nên không có sơ đồ hiện trạng vị trí đất của những người được hưởng thừa kế. Bà Trần Thị B. được thỏa thuận chia thừa kế diện tích đất 3.000m<sup>2</sup>.

Xét vào năm 2005, vị trí đất được chia thừa kế của bà B. theo thỏa thuận bị ảnh hưởng bởi dự án thi công Công trình cầu C. S.. Khi xét tính pháp lý về đất, các hộ dân bị giải tỏa thì hộ bà Trần Thị B. được xét bồi thường diện tích là 361,6m<sup>2</sup>, được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt kinh phí bồi thường tại Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 07/11/2005 với số tiền là 45.561.600 đồng. Việc bà B. được bồi thường giá trị đất đã bị các hộ dân trên đất tranh chấp và kiện đến Tòa án và đã được giải quyết xong. Nay nguyên đơn Trần Thị B. tiếp tục cho rằng phần đất được chia thừa kế đang bị ảnh hưởng bởi dự án kè sông Cần Thơ đến rạch C. S. để yêu cầu nhận tiền bồi hoàn giá trị đất là không có cơ sở.

Bởi lẽ đối với các chứng cứ nêu trên thì vào ngày 04/6/2004 Chủ tịch UBND Lâm thời quận N. đã ban hành Quyết định số 1700 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Đ. ( anh của bà Trần Thị B.) có nội dung thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 03/GCN ngày 06/5/1991 của ông Trần Ngọc K. và điều chỉnh theo diện tích thực tế (không tranh chấp ) để cấp mới khi có yêu cầu của gia đình ông Đ. Do gia đình bà B. không khiếu nại gì nên quyết định 1700 đã có hiệu lực, gia đình của bà Trần Thị B. cho đến nay cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất theo thực tế đang sử dụng. Nên cơ sở để xác nhận quyền sử dụng đất theo kê khai của ông Trần Ngọc K. trong giấy chứng nhận quyền đất tạm thời không còn.

Mặt khác kể từ thời điểm ông Trần Ngọc K. chuyển nhượng đất vào năm 1961 theo bằng khoán 486 cho đến năm 1975 có nhiều hộ dân đang sinh sống trên đất trong đó có 16 hộ gia đình bị đơn nhưng ông Khả không ngăn cản hay tranh

chấp. Các bị đơn tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã trực tiếp quản lý sử dụng và ở ổn định trên đất thời gian từ trước năm 1975, có hộ đã ở từ năm 1965 cho đến nay đã hơn 30 năm, qua nhiều thế hệ từ khi ông Khả còn sống cũng không có ý kiến phản đối. Sau năm 1975, các bị đơn đã kê khai sổ mục kê và đóng thuế hàng năm với chính quyền địa phương phù hợp chính sách quản lý đất đai theo quy định của nhà nước.

Tại Công văn số 1443 ngày 13/4/2018 của UBND quận N. xác định, phần đất tranh chấp do 16 hộ dân đang sử dụng chưa xác định được có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tạm thời) của ông Khả và bằng khoán điền thổ số 486, bởi vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sơ đồ vị trí đính kèm.

Nguyên đơn cho rằng không tranh chấp đất mà chỉ tranh chấp quyền sở hữu về tài sản là tiền bồi hoàn giá trị về đất. Tuy nhiên, tiền bồi hoàn giá trị về đất là dựa trên cơ sở diện tích đất của hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án công trình. Tại Công văn số 4916 ngày 10/12/2018 của UBND quận N. xác định: Qua xác minh hiện trạng phần đất đang tranh chấp, kết quả thể hiện bà Trần Thị B. đang ở và có hộ khẩu thường trú tại số 214/6, Lợi Nguyên A, phường A., quận N., không trùng với vị trí nhà đất của 16 hộ dân đang sử dụng; Tuy nhiên, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 03/GCN không có sơ đồ đính kèm nên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận không xác định được 16 hộ dân trên có nằm trong Bằng khoán quyền sử dụng đất tạm thời số 03/GCN hay không.

Theo công văn số 1443 ngày 13/4/2018, của UBND quận N. xác định: Qua rà soát sổ mục kê và bản đồ địa chính thì các hộ dân đã đăng ký kê khai sử dụng đất và sử dụng ổn định, nếu không bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Kè sông Cần Thơ thì theo quy định tại điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất).

Nhận thấy, đất của 16 hộ bị đơn đều bị ảnh hưởng bởi dự án kè sông Cần Thơ đến rạch C. S. theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 16/03/2009 của UBND thành phố Cần Thơ, về việc Quy hoạch đất để xây dựng công trình Kè sông Cần Thơ ( đoạn bến Ninh Kiều – Cầu C. S. thuộc quận N. và đoạn cầu Quang trung – Cầu Cái Răng thuộc quận Cái Răng), thành phố Cần Thơ. Theo Thông báo số 262/TB –UBND của UBND quận N., ngày 05/08/2010 về việc thu hồi đất dự án xây dựng công trình kè sông Cần Thơ tại phường A., quận N., Thành phố Cần Thơ thì 16 hộ bị đơn có tên trong danh sách bị thu hồi đất. Nguyên đơn không có khiếu nại hay khiếu kiện đối với các quyết định trên.

Tại Công văn số 3599/TTPTQĐ-KTKĐ ngày 17/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ- Sở Tài Nguyên Và Môi Trường cung cấp thông tin của 14 hộ dân bị ảnh hưởng dự án Kè sông Cần Thơ tại phường A. tranh chấp với bà Trần Thị B. như sau: Về nhà và vật kiến trúc đã được UBND quận N.

phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 14 hộ với số tiền là 2.286.012.969 đồng và đã chi trả cho 14/14 hộ. Về đất đã được UBND quận N. phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 14 hộ với số tiền là 945.259.900. Chưa chi trả, chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2015, nguyên đơn tranh chấp tiền bồi hoàn có diện tích đất tạm tính là 999,9m<sup>2</sup>. Nay diện tích đất thực tế của 14 hộ bị đơn đang sử dụng có giá trị tiền bồi hoàn là 945.259.900 đồng. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ đã được đối chiếu tại phiên tòa, nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị B. kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị B. giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn ông Lê C. B., bà Võ Thị M.. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là ý chí tự nguyện của nguyên đơn phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Võ Thị M. có mặt tại phiên tòa thống nhất với ý kiến của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tiền án phí

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sửa bản án sơ thẩm

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị B..

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B. về việc yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Khi án có hiệu lực pháp luật các bị đơn ông Trần Văn T., ông Hứa Kỳ H., bà Bùi Thanh X., bà Nguyễn Thị Kim H., ông Lê Văn Q., ông Trần Q. B., ông Võ Thành P., bà Lê Thị K. P., ông Lê V. B., ông Nguyễn Đ. S., ông Khuru H. H., đại



diện ông Trịnh Thành N., ông Nguyễn V. Q., ông Huỳnh V. B. được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B. về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn ông Lê C. B., bà Võ Thị M.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn bà Trần Thị B. là người già nên thuộc trường hợp miễn án phí. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.209.000 đồng theo biên lai thu số 003428 ngày 01/6/2015.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 001605 ngày 7/8/2019

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân quận N.;
- Chi cục T.H.A DS quận N.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bích Hải**